

TÂY TIẾN- QUANG DŨNG

Giáo viên: Hoàng Nhung- 5star.edu.vn



Video Bài Giảng và Lời Giải chi tiết chỉ có tại website: online.5star.edu.vn

I. TÌM HIỂU CHUNG

1. Tác giả:

-Tên thật: Bùi Đình Diệm

-Sinh năm 1921- 1988

-Quê ở Hà Tây (xứ Đoài, quê lụa): Mảnh đất thiên nhiên trù phú, xanh tốt, phong cảnh nên thơ, con người hiền hòa; giàu truyền thống văn hóa => Ảnh hưởng đến hồn thơ Quang Dũng.

-Là một người nghệ sĩ đa tài: viết văn; vẽ tranh; làm thơ; soạn nhạc; đặc biệt là làm thơ.

+ Mỗi lĩnh vực đều có những kết tinh độc đáo.

+Nhưng, chúng ta biết đến Quang Dũng nhiều nhất vẫn bởi tư cách của một nhà thơ, một nhà thơ chiến sĩ của thời kỳ kháng chiến chống Pháp.

-Hồn thơ Quang Dũng (phong cách): phóng khoáng, hồn hậu, lãng mạn và tài hoa.

2. Tác phẩm:

a. Hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ:

-Bài thơ ra đời đầu năm 1948, khi tác giả rời xa binh đoàn Tây Tiến:

+ Thời gian thành lập:

+ Địa bàn hoạt động:

+ Nhiệm vụ:

+ Thành phần tham gia:

+ Vị trí, vai trò của tác giả trong binh đoàn:

=> Gắn bó, nhiều kỉ niệm nên khi rời xa binh đoàn, Quang Dũng đã viết bài thơ, ghi lại cảm xúc của mình về binh đoàn TT, cũng là sự tri ân, tri kỉ với mảnh đất và con người miền Tây.

-Được in trong tập “Mây đầu ô”.

b. Ý nghĩa nhan đề

- Có nhiều ý nghĩa:
- + Tên của một đơn vị bộ đội
- + Hướng hành quân của đơn vị
- + Tiếng gọi tha thiết từ nỗi nhớ.
- Được đổi từ “Nhớ Tây Tiến” thành “Tây Tiến”
- + Không lộ mạch thơ
- + Rắn rỏi, hào hùng, gợi hình tượng trung tâm.

c. Cảm hứng chủ đạo

- Cảm xúc xuyên suốt bài thơ là cảm xúc về nỗi nhớ.
- Cảm hứng lãng mạn và tinh thần bi tráng.
 - ⇒ Đi song hành, kết hợp, hòa quyện, đan quyện

d. Thể loại: Thất ngôn (cổ phong)

e. Bố cục: Bài thơ gồm 4 đoạn:

- Đoạn 1: (14 câu đầu) Nỗi nhớ hướng về những kỉ niệm thiên nhiên và con người trên chặng đường hành quân gian nan, vất vả của đoàn quân Tây Tiến.
- Đoạn 2: (8 câu thơ tiếp theo) Nỗi nhớ về kỷ niệm đẹp ấm áp tình quân dân và cảnh sông nước miền Tây đầy thơ mộng của Tổ quốc.
- Đoạn 3: (Từ “*Tây Tiến đoàn binh...*” đến “*Khúc độc hành*”) Bức tượng đài bất tử về người lính Tây Tiến.
- Đoạn 4: (4 câu thơ cuối) Khúc vĩ thanh của nỗi nhớ.

II. ĐỌC- HIỂU BÀI THƠ

1. Khổ 1: Nỗi nhớ về chặng đường hành quân

a/ Hai câu thơ đầu: Cảm xúc chủ đạo bao trùm đoạn thơ, bài thơ.

“Sông Mã xa rồi, Tây Tiến ơi!

Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi

- **Danh từ riêng: “Sông Mã” và “Tây Tiến”:**

+ Sông Mã:

- ✓ Biểu tượng của thiên nhiên miền Tây.
- ✓ Hình ảnh gắn liền với chặng đường hành quân của người lính Tây Tiến.
- ✓ Một chứng nhân của lịch sử.

+Tây Tiến:

- ✓ Binh đoàn được thành lập năm 1947, tiến lên miền Tây Bắc, bảo vệ biên giới phía Bắc của Tổ Quốc.
- ✓ Là binh đoàn mà tác giả tham gia, gắn bó gần 2 năm sống, chiến đấu.=> đối tượng trung tâm của nỗi nhớ

⇒ Hai danh từ riêng là hai biểu tượng đầu tiên của nỗi nhớ.

- **Cách ngắt nhịp: 4/3** trọng tâm rơi vào từ “rời”=> những kí ức của quá khứ hiện về, chen lấn thực tại, tạo nên “độ nhòe” giữa hai không gian: không gian hiện tại và không gian hồi tưởng.

- **Cụm từ: “Tây Tiến ơi”**

+ “Tây Tiến ơi!” là một tiếng gọi thân thương, gần gũi.

+ Từ “ơi” mang chất khẩu ngữ, kết hợp với dấu chấm cảm=> cảm xúc băng khuâng, tiếng gọi như nghẹn lại, lại như vang xa; bắt vần với từ láy “chơi vui”.

- **Cụm động từ: “nhớ chơi vui”**

+ **Động từ: “nhớ”**: động từ chỉ trạng thái, được điệp lại 2 lần trong câu thơ, nhấn mạnh cảm xúc chủ đạo của cả bài chính là nỗi nhớ.

+ **Từ láy “chơi vui”**: từ láy vần với hai thanh không, chơi vui là trạng thái lơ lửng, không xác định, diễn tả nỗi nhớ vô hình vô lượng, không thể đo đếm được của nỗi nhớ, diễn tả nỗi nhớ ám ảnh khôn nguôi, ăm ắp kỉ niệm.

- **Hiệp vần: “ơi” và “chơi vui”**: Đều là những từ thanh không, điệp vần “ơi” khiến 2 câu thơ như có sự kết nối, ghép nối lại, diễn tả nỗi nhớ da diết, băng khuâng, âm vang mãi.

⇒ **Hai câu thơ đầu đã gợi cảm hứng chủ đạo của đoạn thơ và cũng là của cả bài thơ. Đó là nỗi nhớ da diết băng khuâng về mảnh đất Tây Bắc và binh đoàn Tây Tiến.**

b/ 12 câu thơ còn lại:Trực tiếp khắc họa nỗi nhớ về thiên nhiên và con người trên chặng đường hành quân.

*Những nét phác họa về thiên nhiên Tây Bắc làm nổi bật con đường hành quân gian nan, nguy hiểm:

- **Hình ảnh màn sương rừng giăng mắc, mờ ảo:**

“Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi
Mường Lát hoa về trong đêm hơi”

+ Hình ảnh “sương lấp” ở Sài Khao:

- ✓ Sương: Vừa là hình ảnh thực vừa là hình ảnh ẩn dụ: Hình ảnh thực bởi đây là hiện tượng tự nhiên trên núi cao=> ám gợi con đường hành quân ở địa bàn nguy hiểm. Hình ảnh ẩn dụ: sương mờ của nỗi nhớ=> Nỗi nhớ cũng như màn sương giăng mắc, phủ kín.

- ✓ Cách ngắt nhịp 4/3, trọng tâm câu thơ rơi vào động từ “lấp” là động từ mạnh: Bao phủ khóa lấp, che lấp => gợi tả màn sương rừng Tây Bắc mênh mông, dày đặc, che kín cả đoàn quân, trùm phủ, khuất mờ tất cả cảnh vật.

+ *Hình ảnh sương tạo hình hoa ở Mường Lát:*

- ✓ Hoa: có nhiều cách hiểu: một là hoa rừng, hương hoa rừng; hai là ngọn đuốc soi đường trong đêm; ba là: sương tạo hình hoa.
- ✓ Sương tạo hình hoa: Lấy ý thơ: “Yên hoa tam nguyệt há Dương Châu”(Tháng ba hoa khói, xuống Dương Châu) của Lý Bạch=> vẽ thơ mộng của thiên nhiên.

⇒ Màn sương vừa gợi hiện thực vật vả, gian truân, vừa mang vẻ lãng mạn, hư ảo, bông bênh. Thiên nhiên Tây Bắc trong nét phác đầu tiên đã vừa hùng vĩ, vừa thơ mộng.

- **Hình ảnh dốc cao, vực sâu và mây núi chất chồng:**

**“Dốc lên khúc khừ dốc thăm thăm
Heo hút còn mây súng gửi trời”**

+ Điệp từ “dốc” được điệp lại: Nhấn mạnh địa hình dốc cao, hiểm trở của con đường hành quân.

+ Từ láy “khúc khừ”, “thăm thăm”, “heo hút”:

- ✓ Khúc khừ: sự gồ ghề, gập ghềnh của dốc núi
- ✓ Thăm thăm: độ cao hun hút, độ xa vời vợi
- ✓ Heo hút: vừa gợi cao, vừa gợi xa, vừa gợi vắng.

⇒ Đặc tả địa hình khó khăn của con đường hành quân mà người lính đã phải đi qua.

+ Ẩn dụ “còn mây”: mây núi miền Tây chất chồng, dựng lên thành còn, bao trùm toàn bộ cảnh vật và con người=> Sự hùng vĩ, dữ dội của thiên nhiên.

- **Hình ảnh thác dữ và mưa rừng:**

“Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống

Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi”

Và

“Chiều chiều oai linh thác gầm thét”

+Điệp ngữ: “ngàn thước” là số từ chỉ độ cao và độ sâu của thác nước kết hợp với cặp động từ đối lập “lên- xuống” càng làm rõ hơn hình ảnh thác nước dữ dội, tốc độ chảy lớn.

+ Ẩn dụ “mưa xa khơi”: màn mưa rừng xối xả, trắng xóa cả không gian chìm trong biển mưa.

+ Nhân hóa “thác gầm thét”: tăng sự dữ dội, hoang sơ, bí hiểm của núi rừng.

- **Hình ảnh thú dữ “trêu người” :**

“Chiều chiều oai linh thác gầm thét

Đêm đêm Mừng Hịch cọp trâu người

+ Trạng ngữ chỉ thời gian: “chiều chiều”, “đêm đêm” là thời gian lặp lại=> sự ngự trị muôn đời ở vương quốc tự nhiên.

+ Nhân hóa “cọp trâu người”: thiên nhiên chủ động và sự nguy hiểm luôn rình rập.

⇒ Thiên nhiên Tây Bắc vừa hùng vĩ, dữ dội, vừa thơ mộng trữ tình làm nổi bật con đường hành quân gian nan, nguy hiểm, nhiều khó khăn, đầy thử thách của những người lính Tây Tiến.

***Trên nền thiên nhiên hùng vĩ, dữ dội là hình ảnh con người Tây Bắc ấm áp, mến thương:**

“Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi”

Và

“Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói

Mai Châu mùa em thơm nếp xôi”

- Hình ảnh ngôi nhà, chốn dừng chân ấm áp:
 - + Đại từ phiếm chỉ “ai”: mang sắc thái nghi vấn, “nhà ai”: nhà dân thấp thoáng trên đèo, đồi hay ngôi nhà thân thương của chiến sĩ trong tâm tưởng?=> ngôi nhà trở nên mơ hồ, xa xăm; gợi nỗi nhớ nhà, nhớ gia đình, quê hương.
- Hình ảnh nồi cơm nếp, xôi nếp thơm đậm đà tình nghĩa:
 - + Thán từ “ôi”: tạo hiệu suất biểu cảm cho ý thơ, cảm xúc dâng trào mãnh liệt và ùa về với hình ảnh bát cơm thơm ngào ngạt, ấm cúng, nghĩa tình.
 - + Danh từ “em”: Sự xuất hiện của con người Tây Bắc góp gạo nuôi quân, những sơn nữ tình tứ và xinh đẹp.

⇒ Con người Tây Bắc ấm áp, nghĩa tình cũng là đối tượng đặc biệt của nỗi nhớ!

***Chân dung người lính Tây Tiến trên chặng đường hành quân:**

- **Vẻ đẹp hào hùng, dũng cảm, kiêu bạc, ngang tàng:**

“Anh bạn dãi dầu không bước nữa

Gục lên súng mũ bỏ quên đời”

+ Từ láy “dãi dầu”: vất vả, nhọc nhằn của người lính trên chặng đường hành quân, vượt núi cao, vực sâu, thác ghềnh dữ dội, nắng mưa, sương gió.

+ Cụm từ phủ định “không bước nữa”: sự chủ động, dũng cảm.

+ Động từ “gục”: vừa tạo hình, vừa biểu cảm

- ✓ Thực tế đau xót trên chiến trường khi kiệt sức, gục ngã không thể bước tiếp: Tránh được cách nói “chết” bi lụy; kết hợp với cụm từ “bỏ quên đời” đã nảy lộ một ý nghĩa: với người lính cái chết nhẹ tựa lông hồng và không đáng kể => những chàng trai ngang tàng, dám xả thân vì nghĩa lớn.
- ✓ Có thể là giấc ngủ sau hiểm hoi trong phút dừng chân, một giấc ngủ mệt nhọc nhưng vô tư, trẻ trung.
- **Vẻ lạc quan, vô tư, tinh nghịch:**

“Heo hút côn mây súng người trời”

+ Nhân hóa “súng người trời”: động từ “người” độc đáo, đặc sắc, có thể cảm nhận được nhiều lớp ý:

- ✓ Độ cao chóng mặt: trước là mây, sau là trời
 - ✓ “Người” cách nói tinh nghịch, rất lính, cây súng thành người bạn đồng hành đặc biệt.
 - ✓ Không một độ cao nào, không có khó khăn gian khổ nào ngăn cản nổi bước chân những người anh hùng vệ quốc.
- ⇒ Hình tượng người lính trẻ trung, vừa dũng cảm, ngang tàng, kiêu bạc, vừa lạc quan, vô tư nổi bật trên nền thiên nhiên Tây Bắc hùng vĩ, thơ mộng.

Tiểu kết:

- Thiên nhiên Tây Bắc hùng vĩ, dữ dội đã làm nổi bật những khó khăn, gian nan, vất vả của người lính Tây Tiến trên con đường hành quân.
- Hình ảnh người lính Tây Tiến hào hùng, dũng cảm, ngang tàng nhưng cũng lạc quan vô tư, yêu đời, ham sống.

Bằng việc sử dụng thành công các biện pháp, thủ pháp nghệ thuật, sự phối thanh, hiệp vần độc đáo, đặc địa, sự sáng tạo về hình ảnh, ngôn ngữ...

2. Khổ 2: Nỗi nhớ về kỷ niệm ám áp tình quân dân và cảnh sông nước miền Tây thơ mộng

a/ Nỗi nhớ về những kỉ niệm ám áp tình quân dân trong đêm liên hoan văn nghệ:

“Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa

Kìa em xiêm áo tự bao giờ

Khèn lên man điệu nàng e ấp

Nhạc về Viên Chăn xây hòn thơ”

- **Danh từ “doanh trại”** : xác định địa điểm của đêm liên hoan văn nghệ, nơi trú quân giữa một bản làng nào đó.
- **Thành phần tham gia**: chiến sĩ, người dân Tây Bắc, đặc biệt là những cô sơn nữ miền Tây.
- **Động từ “bừng”**:
 - + Trạng thái đột ngột, rõ ràng, mạnh mẽ.
 - + Nhiều nghĩa: một là: ánh sáng chói lòa, đột ngột, sáng bừng của lửa trại, xua đi sự tối tăm, lạnh lẽo của núi rừng. Hai là: lòng người bừng nở niềm vui, sự hân hoan, vui vẻ trong đêm văn nghệ.
- **Hình ảnh “đuốc hoa”**: ngọn lửa được đốt lên trong đêm liên hoan, ngọn lửa của sự ám áp, nghĩa tình giữa con người với con người và ngọn lửa của niềm tin vào tương lai tươi sáng.
- **Từ “kìa” và cụm từ nghi vấn “tự bao giờ”**: bộc lộ cảm giác ngỡ ngàng, ngạc nhiên, bất ngờ của những chàng lính trẻ trước vẻ đẹp của những sơn nữ.

- **Hình ảnh “xiêm áo” và từ “e ấp”**: đặc tả những thiếu nữ miền sơn cước với vẻ đẹp kín đáo và sự thận trọng, e lệ làm duyên đầy nữ tính, duyên dáng đã làm rung động, gây ấn tượng đặc biệt với những người lính Tây Tiến- phần đông là những thanh niên Hà Thành thanh lịch, hào hoa.
- **Từ “man điệu”**: Vũ điệu uyển chuyển của các sơn nữ trong giai điệu ngọt ngào, say đắm, hoang sơ, bí ẩn, lạ lùng mê hoặc lòng người.
- **Ẩn dụ “hồn thơ”**: tâm hồn lãng mạn hào hoa của những người lính Tây Tiến; từ những chiến sĩ trở thành thi sĩ.

⇒ *Đêm liên hoan văn nghệ âm áp tình quân dân sau chặng đường hành quân gian nan vất vả là phần thưởng xứng đáng cho những nỗ lực vượt mọi khó khăn của người lính Tây Tiến. Qua đó, làm nổi bật vẻ đẹp lãng mạn, hào hoa của những người lính trẻ.*

b/ Nối nhớ về cảnh sông nước miền Tây thơ mộng ám gợi nỗi nhớ da diết, khôn nguôi:

**“ Người đi Châu Mộc chiều sương ấy
Có thấy hồn lau nẻo bến bờ
Có nhớ dáng người trên độc mộc
Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa”**

- **Hình ảnh “chiều sương”**:

+ Thời gian “chiều”: là khi ngày sắp kết thúc, ánh sáng yếu hơn, mọi vật chuẩn bị ngưng nghỉ, tĩnh lặng=> gợi nhớ, gợi buồn.

+ “sương”: sương chiều, lạnh, tối => buồn da diết, ám ảnh, hoài niệm.

⇒ Trạng thái nhớ thương, lưu luyến nhưng đượm buồn.

- **Đại từ chỉ định “ấy”** : sắc thái xa xôi, mơ hồ=> gắn với nỗi nhớ “chơi vơi” ở khổ 1.

- **Điệp cấu trúc: “có thấy”... “có nhớ” cũng là câu hỏi tu từ**: nỗi nhớ nhưng trần trở hướng về cảnh và người miền Tây

+ “Có thấy hồn lau”: Nhớ cảnh

- ✓ Cây lau: Hoa lau màu xám trắng, nhỏ li ti, dễ xao động, đung đưa, cuốn theo gió.
- ✓ Hình ảnh ẩn dụ “hồn lau”: cái phơ phất vô định của cảnh vật trong nỗi nhớ=> nỗi nhớ mênh mông, da diết.

+ “Có nhớ dáng người”: Nhớ người.

- ✓ Dáng người: người Tây Bắc, người sơn nữ, con người nói chung.
- ✓ “độc mộc”: một chiếc thuyền trên sông=> cô đơn, lẻ loi, cô quạnh.

- **Ẩn dụ “hoa đong đưa”**: có nhiều cách hiểu

+ Bông hoa trên sông

+ Người thiếu nữ làm duyên trên con thuyền mênh mông sóng nước.

+ Hình ảnh con người Tây Bắc trong lao động nói chung, khỏe khoắn nhưng cũng đằm thắm, dịu dàng.

⇒ *Nỗi nhớ hương về cảnh sông nước miền Tây thơ mộng nhưng đượm buồn đã gián tiếp ám gợi nỗi nhớ da diết khôn nguôi của nhân vật trữ tình về mảnh đất và con người Tây Bắc.*

3. Khổ 3: Nỗi nhớ về người lính Tây Tiến trong cuộc chiến đấu gian khổ và sự hi sinh anh dũng (Bức tượng đài bi tráng và bất tử của người lính Tây Tiến)

a. Ngoại hình:

“Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc
Quân xanh màu lá dữ oai hùm

- Hình ảnh “đoàn binh không mọc tóc”

+ “Đoàn binh” chứ không phải đoàn quân.

+ Hình ảnh gợi nhắc hình ảnh đoàn binh nhà Trần “Tam quân tỳ hổ khí thôn ngưu” (Ba quân như hổ báo, khí thế hùng dũng át cả sao Ngưu) của Phạm Ngũ Lão trong “Tỏ lòng” => cách gọi “đoàn binh” Tây Tiến mang ý nghĩa: kế thừa truyền thống và thể hiện khí thế ra trận hùng hực, dũng mãnh.

+ Hình ảnh “không mọc tóc”: Có hai cách hiểu:

- ✓ một là: chiến sĩ cạo trọc đầu, để giảm bớt những bất tiện trong chiến đấu;
- ✓ hai là: chiến sĩ bị rụng hết tóc vì sốt rét rừng khi thiếu thốn thuốc men, môi trường ẩm ướt.

=> Sự thiếu thốn, gian khổ, khắc nghiệt của chiến trường, là khó khăn mà chiến sĩ phải đối mặt.

+ Cách nói chủ động=> sẵn sàng đối mặt, đương đầu, không sợ gian nan.

- ✓ Hình ảnh chiến sĩ hiện lên không tiều tụy, nheo nhếch mà kiêu dũng, ngang tàng.
- ✓ Đây là một nét vẽ phi thường, vừa hiện thực vừa lãng mạn.

- Ấn dụ “quân xanh màu lá”:

+ Có 2 cách hiểu: Một là: màu xanh của áo lính, màu xanh của cây rừng làm lá ngụy trang; hai là: gương mặt xanh xao, gầy ốm của chiến sĩ giữa chốn rừng thiêng nước độc.

+ Đây là nét vẽ lãng mạn về hiện thực thô ráp của chiến trường.

- Cách nói thậm xưng “dữ oai hùm”

+ Liên tưởng đến hình ảnh “cọp trêu người” trên chặng hành quân.

+ Dữ oai hùm: sự dũng mãnh, uy nghi, chế ngự và chiến thắng=> người lính đã chinh phục được tự nhiên=> Cách nói có phần cường điệu nhưng phù hợp với cảm hứng lãng mạn ngợi ca, phi thường hóa nhân vật trữ tình của tác giả.

⇒ Vừa là hiện thực chiến trường khốc liệt, vừa nổi bật vẻ đẹp kiêu dũng, ngang tàng của người lính Tây Tiến. Các anh không tiều tụy, nheo nhếch mà kiêu dũng, ngang tàng.

b. Tâm hồn “mộng” “mơ”

Mắt trừng gửi mộng qua biên giới
Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm”

- **Ẩn dụ “mắt trừng gửi mộng”**
- + **Mắt trừng:**
Không nên hiểu theo nghĩa đen: nhìn trừng trừng trong đêm.
Ánh mắt mở to, hướng thẳng về phía trước=> canh chừng, cảnh giác, tập trung chiến đấu, không một phút lơ là => Ánh mắt ngời lên ý chí chiến đấu và khát vọng chiến thắng và dáng vẻ kiêu hùng, dũng mãnh.
- + **“mộng” (chiến trường)** Mộng bá vương/ mộng chiến trường: ra đi vì nghĩa lớn, lập công mới vinh quy mũ áo về làng. => Lý tưởng cao đẹp của những chàng trai trẻ dũng cảm, kiêu hùng.
 - **Thời gian: Đêm khuya**=> gợi nhắc kỉ niệm
 - **Ẩn dụ: “dáng kiều thơm”**
- + Những cô gái Hà Thành thướt tha, thanh lịch=> Người lính trẻ mang theo dáng hình người thương, để đổi mặt với những khó khăn gian khổ như lời động viên, chia sẻ.
- + **“mơ” (quê hương):** giấc mơ về quê hương thanh bình, đi đi khắc nghiệt chiến trường.
 - ⇒ Chỉ với 4 câu thơ của khổ 3, chân dung người lính TT trong cuộc chiến đấu gian khổ, khắc nghiệt đã hiện lên với vẻ đẹp ngang tàng, ngạo nghễ, vượt lên mọi khó khăn, thiếu thốn nơi chiến trường. Dù trong hoàn cảnh chiến đấu khắc nghiệt, tâm hồn những người lính vẫn ngời sáng lí tưởng và sự lãng mạn, hào hoa.
 - ⇒ “Chân dung người lính Tây Tiến hiện lên tiêu tụy mà lẫm liệt, lam lũ mà hào hùng, dữ dằn à đa cảm và đầy thơ mộng”(GS. Nguyễn Đăng Mạnh)

c. Lý tưởng:

“Rải rác biên cương /mồ viễn xứ
Chiến trường đi/ chẳng tiếc/ đời xanh

- **Cách ngắt nhịp 4/3:** trọng tâm câu thơ rơi vào từ “mồ”
 - + **Từ “mồ”** là từ thuần Việt duy nhất được đặt cạnh các từ Hán Việt.
 - + Danh từ miêu tả chính xác thực tế sự hi sinh:
 - ✓ **Mồ:** thanh bằng, âm vực thấp=> cái chết.
 - ✓ **Mồ:** khác “mộ” được chôn cất cẩn thận còn “mồ” sự sơ sài, vội vã.
 - ✓ **Mồ:** Người lính hi sinh không kịp chôn cất, nằm lại trong những năm đất hoang lạnh, hiu hắt, đơn sơ. Không có được sự tiễn đưa, hơi ấm tình yêu thương của gia đình.
- **Từ Hán Việt “rải rác” “biên cương” “viễn xứ”:**
 - + Mang sắc thái trang trọng khi nói đến cái chết=> hào hùng, bi tráng chứ không ảm đạm, thê lương.
 - + Điều mang nét nghĩa: khoảng cách xa xôi, sự chia lìa, xa cách, không trọng vẹn
- ⇒ Thực tế chiến trường ác liệt, chiến sĩ ngã xuống, nằm lại nơi đất rừng, bờ sông hoang lạnh. Những năm mồ không được chôn cất chu đáo, rải rác ở biên cương.
- **Cách ngắt nhịp 3/2/2**, trọng tâm rơi vào chữ “đi” và “chẳng tiếc”
 - + nhấn mạnh sự tình nguyện hi sinh, cống hiến.
 - + thể hiện lý tưởng cao cả, gạt tình riêng, ôm trí lớn ra đi.
- **Ẩn dụ “đời xanh”**
 - + Tuổi thanh xuân, thời gian đẹp nhất của cuộc đời, 1 đi không trở lại.

+ Sự hi sinh, công hiến.

⇒ Lý tưởng cao đẹp, có sức cổ vũ muôn đời.

d. Sự hi sinh:

Áo bào thay chiếu anh về đất
Sông Mã gầm lên khúc độc hành”

- Hình ảnh “áo bào”:

+ là phục trang của tướng lĩnh ngày xưa oai hùng dũng mãnh.

+ bút pháp mỹ lệ hóa của cảm hứng lãng mạn đã biến quân phục sờn rách thành tấm áo bào đẹp đẽ, thiêng liêng=> tô đậm vẻ oai hùng, dũng mãnh, giảm bớt sự khốc liệt của chiến trường.

- Động từ “về”:

+ sự hi sinh, cái chết nhẹ nhàng

+ về với đất mẹ thân thuộc, gần gũi, được trở che và là sự bền vững muôn đời.

- **Địa danh sông Mã:** lặp lại hai lần=> hình ảnh đầu tiên của nỗi nhớ da diết và chứng nhân lịch sử.

- **Nhân hóa “Sông Mã gầm lên”:** gầm là động từ mạnh

+ Khúc ai điếu, khúc nhạc tiễn đưa

+ Thay lời tiễn biệt của núi rừng, cỏ cây, trời đất, thiên nhiên Tây Bắc.

- **Ẩn dụ “khúc độc hành”:**

+ sự đơn độc, cô đơn, ngậm ngùi

+ sự mạnh mẽ, hào tráng của khúc ai điếu, khúc nhạc ngợi ca.

4.Khổ 4: Khúc vĩ thanh của nỗi nhớ

“ Tây Tiến người đi không hẹn ước

Đường lên thăm thẳm một chia phôi

Ai lên Tây Tiến mùa xuân ây

Hồn về Sầm Nưa chẳng về xuôi”

- **Hình ảnh “người đi” “không hẹn ước”:**

+ Người lính ra trận một đi không trở về

+ Hi sinh, nằm lại nơi chiến trường.

- **Tính từ “thăm thẳm”:**

+ sự xa xôi, mờ mịt, sự dữ dội của tự nhiên.

+ sự chia cắt, chia lìa, mờ nhòe

- **Đại từ phiếm chỉ “Ai”:** không chỉ một đối tượng xác định, 1 người lính mà cả đoàn quân.

- **Ẩn dụ “mùa xuân”**

+ thời gian mùa xuân

+ tuổi trẻ cống hiến, đầu quân ra trận

- **Danh từ riêng “Sầm Nứa”:** Sầm Nứa- 1 trong những vùng đầu tiên của lực lượng kháng chiến Pa Thét ở Thượng Lào=> Mảnh đất đã trở thành một mảnh hồn của người lính
 - **Điệp từ “về”**
- ⇒ Lời nhắn gửi và lời thề son sắt. Những người lính ra đi, không hẹn ngày trở về. Lên Tây Tiến mùa xuân và hồn ở lại Sầm Nứa. Tây Tiến đã trở thành một mảnh hồn của các anh.

III.TỔNG KẾT

1. Nội dung:

- Cảm hứng xúc chủ đạo là nỗi nhớ: nỗi nhớ cảnh, nỗi nhớ người, nỗi nhớ chặng đường hành quân, nhớ kỉ niệm ấm áp tình quân dân, nhớ sông nước miền Tây thơ mộng; nhớ cuộc sống chiến đấu thiếu thốn vất vả, nhớ sự hi sinh cao cả thầm lặng.
- Vẻ đẹp hùng vĩ, thơ mộng của thiên nhiên
- Vẻ đẹp lãng mạn, hào hoa của người lính Tây Tiến
- Bức tượng đài bất tử của những người lính Tây Tiến.

2. Nghệ thuật

- Bút pháp lãng mạn dựa trên cơ sở hiện thực
 - + “Cảm hứng lãng mạn: Hướng vào cái tôi cá nhân, khẳng định cái tôi cá nhân được giải phóng tình cảm, cảm xúc và tưởng tượng. Nó thích đắm mình trong thế giới phi thường, bí hiểm, thích vẽ đẹp xa lạ, thích đi vào thiên nhiên và tình yêu. Với chủ nghĩa lãng mạn, cái buồn, cái bi, nỗi đau cũng là phạm trù thẩm mỹ. Nó thích nói đến sự cô đơn, chia li, thất tình và cái chết” (GS. Nguyễn Đăng Mạnh)
 - + Cảm hứng lãng mạn trong Tây Tiến dựa trên sự phản ánh chân thực hiện thực.
- Sự sáng tạo về mặt ngôn ngữ, hình ảnh, giọng điệu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Trọng Luận, Trần Đăng Suyền, Bùi Minh Toán, Lê A (Chủ biên), SGK Ngữ văn 12, tập 1, NXB Giáo Dục, 2008.
2. TS. Trịnh Thu Tuyết, Tài liệu ôn thi THPT Quốc gia môn Ngữ văn từ năm 2015, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015.
3. Nguyễn Đăng Điệp, Nghệ thuật tổ chức chất liệu ngôn từ trong bài Tây Tiến, Tuyển tập 15 năm tạp chí văn học và tuổi trẻ, tập hai “Đi tìm vẻ đẹp văn chương”, NXB Giáo Dục, 2008.
4. Nguyễn Văn Đường (Chủ biên), Thiết kế bài giảng Ngữ văn 12, tập 1, NXB Hà Nội, 2012.
5. Đỗ Ngọc Thống (Chủ biên), Ôn tập môn Ngữ văn chuẩn bị cho kỳ thi THPT Quốc gia, tập 1, NXB GD Việt Nam, 2015.
6. Nguyễn Duy Kha (Chủ biên), Bộ đề môn Ngữ văn chuẩn bị cho kỳ thi THPT Quốc gia, NXB GD Việt Nam, 2016
7. Phan Trọng Luận, Trần Đăng Suyền, Bùi Minh Toán, Lê A (Đồng chủ biên), SGK Ngữ văn 12, tập 1, NXB GD Việt Nam, 2008.